TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T Đ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:**06**/2022/HNGĐ-ST Ngày 12-4-2022 V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T Đ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đô và ông Lâm Văn Bảy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐSTST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T H, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Cửu Yên 2, tt H C, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện cư trú tại: Thôn Cây Thông, xã Minh Quang, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh L V L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Cửu Yên 2, tt H C, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị L T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định chung sống với anh L V L từ năm 2004 trên cơ sở có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đến ngày 25/11/2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Châu (nay là tt H C), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, sau có phát sinh mâu Thẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu Thẫn, anh L thường xuyên chửi bới, bạo hành với chị. Đã nhiều lần chị phải về nhà bố mẹ đẻ để ở, anh L có đến xin lỗi nên chị có quay về cùng chung sống. Nhưng chỉ được có thời gian ngắn vợ chồng lại phát sinh

mâu Thẫn, anh L vẫn tiếp tục chửi bới bạo hành. Từ tháng 11/2020 chị cùng các con đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Minh Quang để ở, vợ chồng sống ly thân từ ngày đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh L đã hết, đời sống chung của vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị và anh L có 03 con chung; cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 22/3/2006; cháu Lê Thị H, sinh ngày 31/10/2014 và cháu Lê Đức Th, sinh ngày 02/02/2018. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả ba cháu, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/cháu/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay các cháu H, Th đang ở cùng chị, cháu Tr đang ở cùng với anh L. Th nhập hàng tháng của chị làm tại Công ty TNHH JAHWA VINA tại khu công nghiệp Khai Quang, Vĩnh Yên khoảng trên 9 triệu đồng/tháng. Bố mẹ và các anh em có cho chị mượn nhà để ở. Chị có thu nhập hàng tháng và nơi ở để nuôi các con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh L V L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về quá trình kết hôn, thời gian mâu Thẫn, thời gian ly thân như chị Th trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu Thẫn do anh làm nghề xây dựng, có uống rượu tiếp khách chị Th hay cằn nhằn dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh có đánh chị dẫn đến việc chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần. Anh biết lỗi đã đến xin lỗi nhưng lần này chị Th kiên quyết không quay về cùng chung sống, chăm lo hạnh phúc gia đình. Chị Th xin ly hôn anh không nhất trí, theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì để ly hôn, anh vẫn mong muốn đoàn tụ. Chị Th kiên quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định có 03 con như chị Th trình bày là đúng, hiện nay cháu Tr đang ở cùng với anh, nếu giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cả ba con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Anh đã có nhà ở sẵn và làm nghề xây dựng có thu nhập, anh đảm bảo nuôi các con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Th được ly hôn anh L; về quan hệ giao nuôi con chung: Anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày

22/3/2006, chị Th tiếp tục nuôi cháu Lê Thị H, sinh ngày 31/10/2014 và cháu Lê Đức Th, sinh ngày 02/02/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L T H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L V L; chị Th và anh L đều cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T H và anh L V L chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Châu (nay là tt H C), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 25/11/2009, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Th và anh L đều khẳng định vợ chồng phát sinh mâu Thẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th xin ly hôn anh L không nhất trí. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh L có đề nghị được đoàn tụ. Vợ chồng có thời gian sống ly thân dài nhưng anh L không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó đã chứng tỏ hôn nhân của chị Th và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị L T H và anh L V L có 03 con chung là Lê Huyền Tr, sinh ngày 22/3/2006; Lê Thị H, sinh ngày 31/10/2014 và cháu Lê Đức Th, sinh ngày 02/02/2018. Hiện nay các cháu H, Th đang ở cùng chị Th; cháu Tr đang ở cùng với anh L. Cả chị Th và anh L đều muốn nuôi cả ba con chung. Các anh chị đều có Th nhập và có khả năng nuôi con như nhau, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các cháu từ đủ 7 tuổi trở lên để xem xét nguyện vọng của các cháu. Cháu Tr thể hiện nguyện vọng muốn ở với anh L, còn cháu H có nguyện vọng được ở với chị Th. Cần tiếp tục để anh L nuôi dưỡng cháu Tr, chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Th có đề nghị nuôi cả ba con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng/1 cháu. Tại phiên tòa chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Anh L không có đề nghị chị Th cấp dưỡng nên tòa án không đặt ra xem xét về việc cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị Th và anh L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L T H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị L T H được ly hôn với anh L V L.

2. Giao cho chị L T H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị H, sinh ngày 31/10/2014 và cháu Lê Đức Th, sinh ngày 02/02/2018. Giao cho anh L V L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 22/3/2006. Chị Th và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Chị L T H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000090 ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND tt H C, T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Hồng Quý